



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

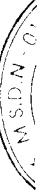
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-37
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-37



VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/07/2018
Ông Hoàng Lê Vương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28/07/2018
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Hải Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/07/2018
Ông Nguyễn Quang Duy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/07/2018
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên	
Ông Lê Quang Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/07/2018
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/07/2018
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên	
Ông Trần Dũng Chiến	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vương Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Dũng Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Thành viên
Ông Bùi Ngọc Thanh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

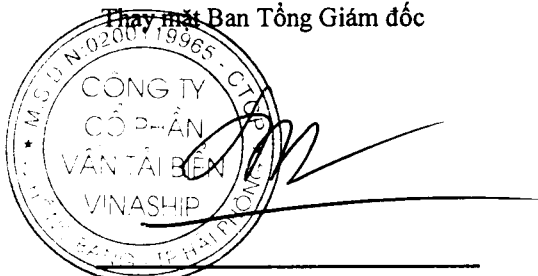
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 13 tháng 08 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

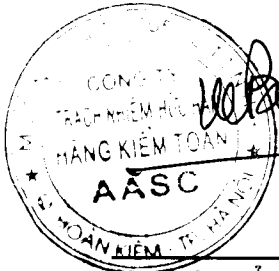
Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30/06/2018, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 148,96 tỷ đồng, lũy kế là 296,88 tỷ đồng. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận soát xét chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

7/2/18
30
EM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		147.611.489.283	150.723.958.235
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	54.698.244.834	25.000.672.722
111	1. Tiền		29.544.905.392	25.000.672.722
112	2. Các khoản tương đương tiền		25.153.339.442	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	10.554.993.400
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	10.554.993.400
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.878.751.634	52.004.327.167
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.191.985.213	30.787.378.079
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.610.146.653	2.164.654.903
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.504.794.522	20.480.468.939
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.428.174.754)	(1.428.174.754)
140	IV. Hàng tồn kho	9	36.603.180.542	36.871.794.305
141	1. Hàng tồn kho		36.603.180.542	36.871.794.305
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.431.312.273	26.292.170.641
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	3.352.819.757	5.997.496.911
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.704.347.599	11.920.528.813
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	8.374.144.917	8.374.144.917
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		666.193.465.282	722.566.452.571
220	II. Tài sản cố định		635.480.302.032	682.569.274.452
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	635.480.302.032	682.569.274.452
222	- Nguyên giá		1.664.438.480.254	1.663.840.530.254
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.028.958.178.222)	(981.271.255.802)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		238.654.500	238.654.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(238.654.500)	(238.654.500)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	-	-
231	- Nguyên giá		5.785.803.477	5.785.803.477
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.785.803.477)	(5.785.803.477)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	123.775.382	91.957.200
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		123.775.382	91.957.200
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.304.061.205	4.417.446.100
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.998.468.525	5.998.468.525
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.694.407.320)	(1.581.022.425)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		26.285.326.663	35.487.774.819
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	26.285.326.663	35.487.774.819
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		813.804.954.565	873.290.410.806

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

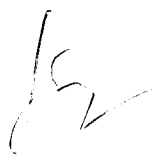
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		827.752.475.900	871.718.056.209
310	I. Nợ ngắn hạn		296.573.606.831	380.860.335.957
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	50.635.718.030	96.300.314.123
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	26.666.126.986	48.384.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.991.098.940	3.079.452.088
314	4. Phải trả người lao động		5.809.304.704	7.484.675.435
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.524.375.097	1.528.921.235
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	26.080.668.223	18.592.374
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	40.247.365.566	42.344.266.376
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	137.485.505.185	226.622.086.226
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.133.444.100	3.433.644.100
330	II. Nợ dài hạn		531.178.869.069	490.857.720.252
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	96.746.283.069	10.331.287.252
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	434.432.586.000	480.526.433.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(13.947.521.335)	1.572.354.597
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	(13.947.521.335)	1.572.354.597
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		82.932.721.854	82.932.721.854
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(296.880.243.189)	(281.360.367.257)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(281.360.367.257)	(205.476.521.927)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(15.519.875.932)	(75.883.845.330)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		813.804.954.565	873.290.410.806



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập



Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



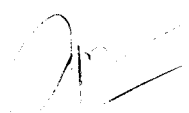
Wương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	361.467.693.207	252.752.934.218
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		361.467.693.207	252.752.934.218
11	4. Giá vốn hàng bán	25	340.697.526.752	287.729.460.364
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.770.166.455	(34.976.526.146)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	3.817.627.686	1.971.244.835
22	7. Chi phí tài chính	27	22.093.620.223	18.760.720.191
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		18.096.805.119	18.626.872.886
25	8. Chi phí bán hàng	28	5.547.988.073	4.824.599.333
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	10.536.724.099	11.792.488.835
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.590.538.254)	(68.383.089.670)
31	11. Thu nhập khác		187.508	156.429.127
32	12. Chi phí khác	30	1.929.525.186	209.242.363
40	13. Lợi nhuận khác		(1.929.337.678)	(52.813.236)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(15.519.875.932)	(68.435.902.906)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(15.519.875.932)</u>	<u>(68.435.902.906)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(776)	(3.422)



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập



Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Wương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		405.793.694.878	250.028.893.039
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(302.659.927.857)	(208.530.054.967)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(37.098.132.871)	(37.754.234.486)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.311.786.053)	(6.900.981.829)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.473.562.659	15.549.992.646
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(25.964.020.785)	(19.158.621.894)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		57.233.389.971	(6.765.007.491)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(629.768.182)	(4.465.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		23.777.662.500	199.500.000
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.554.993.400	20.883.747.596
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.000.000.000)
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		709.986.196	34.870.839
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		34.412.873.914	20.113.653.435
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.940.000.000	89.084.104.755
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(63.920.000.000)	(100.786.853.096)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(3.900.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(61.980.000.000)	(11.706.648.341)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		29.666.263.885	1.641.997.603
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		25.000.672.722	13.880.027.622
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		31.308.227	(35.304.217)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	54.698.244.834	15.486.721.008

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Dịch vụ hợp tác lao động);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 06 tháng đầu năm 2018, thị trường vận tải hàng khô quốc tế đã hồi phục nhẹ và nhu cầu vận chuyển tăng trưởng trên nhiều phân khúc thị trường, đáng kể nhất là hàng gạo nhập khẩu vào Indonesia và Philippine có nhu cầu tăng đột biến ngắn hạn nên giá cước được đẩy lên cao, doanh thu vận tải biển 6 tháng đầu năm 2018 được cải thiện rõ rệt so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên việc tắc nghẽn đầu bến và thời gian xếp, dỡ hàng gạo kéo dài làm giảm hiệu quả kinh doanh của đội tàu, phát sinh thêm chi phí đặc biệt là chi phí nhiên liệu do giá nhiên liệu 6 tháng đầu 2018 biến động mạnh và duy trì ở mức cao trong thời gian dài. Các nguyên nhân trên khiến cho doanh thu vận tải biển dù tăng đáng kể nhưng vẫn không bù đắp các khoản chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Tại thời điểm 30/06/2018, lỗ lũy kế là 296,88 tỷ đồng (tại 31/12/2017 là 281,36 tỷ đồng), nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 148,96 tỷ đồng (tại 31/12/2017 là 230,14 tỷ đồng). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty. Những sự kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020, làm việc với các tổ chức tín dụng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn theo hướng giãn nợ, khoan nợ, miễn giảm lãi vay và mua bán nợ. Bước đầu Công ty đã cơ cấu thành công khoản vay với Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, nội dung chi tiết được trình bày tại thuyết minh số 20.

Đồng thời Công ty triển khai kế hoạch bán một số tàu để đảm bảo nguồn tiền phục vụ kế hoạch tái cơ cấu tài chính nêu trên. Trong 06 tháng đầu năm 2018, Công ty đã bắt đầu thực hiện bán con tàu Vinaship Ocean và đã kết thúc việc bàn giao tàu vào 14/07/2018.

Vì vậy Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá định hoạt động liên tục là phù hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Xí nghiệp dịch vụ vận tải	Hải Phòng	Xếp dỡ, đại lý giao nhận, vận chuyển container và các hàng hóa khác, ...
Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ	Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ, thu gom, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa,

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại một số đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty kết hợp tổng hợp các báo cáo tài chính của một số đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ và tiền vay tại các ngân hàng: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả khác: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 06 năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và hoạt động vận tải cho nhiều kỳ.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành bao gồm cả dịch vụ vận tải quốc tế được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

ĐÓNG
CHỮ
KIỂM
SỐ
AS
KIỂM - T

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	867.761.500	1.405.297.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.677.143.892	23.595.375.722
Các khoản tương đương tiền	25.153.339.442	-
	<u><u>54.698.244.834</u></u>	<u><u>25.000.672.722</u></u>

Tại 30/06/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 25.153.339.442 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM chi nhánh Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	5.998.468.525	119.021.205	(1.694.407.320)	5.998.468.525	232.406.100	(1.581.022.425)
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	1.276.000.000	98.400.000	(1.177.600.000)	1.276.000.000	201.600.000	(1.074.400.000)
- Các cổ phiếu niêm yết khác	537.428.525	20.621.205	(516.807.320)	537.428.525	30.806.100	(506.622.425)
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (*)	4.185.040.000	-	-	4.185.040.000	-	-
	5.998.468.525	119.021.205	(1.694.407.320)	5.998.468.525	232.406.100	(1.581.022.425)

Ghi chú: Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn giao dịch tại ngày 30/06/2018.

(*): Đối với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam là cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Vận tải Hàng Công nghệ cao	1.994.098.661	-	1.170.531.271	-
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hoàng Kim Phát	1.294.934.000	-	1.575.328.000	-
Phải thu khách hàng khác	15.902.952.552	(1.428.174.754)	28.041.518.808	(1.428.174.754)
	19.191.985.213	(1.428.174.754)	30.787.378.079	(1.428.174.754)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần TMDV Vận tải Phương Linh	312.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Vận tải Thành Đạt	482.825.000	-	306.681.600	-
Trung tâm Tư vấn Thiết kế Xây dựng	430.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	385.321.653	-	1.857.973.303	-
	1.610.146.653	-	2.164.654.903	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	40.000.000	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	5.872.376	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	636.529.962	-	2.582.762.034	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	106.233.447	-	116.950.361	-
Tạm ứng	6.632.801.710	-	6.473.053.920	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	-	-
Các khoản chi hộ	1.699.684.999	-	1.130.394.566	-
Sửa chữa tàu chi hộ Vinashinlines	7.342.487.574	-	7.342.487.574	-
Phải thu tiền bảo hiểm trách nhiệm dân sự và thân tàu	1.224.867.501	-	1.870.108.504	-
Phải thu khác	846.316.953	-	924.711.980	-
	18.504.794.522	-	20.480.468.939	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

8 . NỢ XẤU

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	-	636.440.000	-
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	-	484.952.633	-
- Các khoản khác	306.782.121	-	306.782.121	-
	1.428.174.754	-	1.428.174.754	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	36.341.187.912	-	36.687.394.164	-
Hàng hoá	261.992.630	-	184.400.141	-
	36.603.180.542	-	36.871.794.305	-

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Dự án xây bãi Container Hậu Phương Đình Vũ - Hải Phòng	91.957.200	91.957.200
- Phí khảo sát lập trích lục địa chính đất TM8 Cầu Rào 2	31.818.182	-
	123.775.382	91.957.200

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	24.809.967.875	130.752.694	1.638.565.655.436	334.154.249	1.663.840.530.254
- Mua trong kỳ	47.950.000	-	550.000.000	-	597.950.000
Số dư cuối kỳ	24.857.917.875	130.752.694	1.639.115.655.436	334.154.249	1.664.438.480.254
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.249.300.513	107.043.019	966.597.579.629	317.332.641	981.271.255.802
- Khấu hao trong kỳ	506.233.382	2.142.858	47.172.387.090	6.159.090	47.686.922.420
Số dư cuối kỳ	14.755.533.895	109.185.877	1.013.769.966.719	323.491.731	1.028.958.178.222
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	10.560.667.362	23.709.675	671.968.075.807	16.821.608	682.569.274.452
Tại ngày cuối kỳ	10.102.383.980	21.566.817	625.345.688.717	10.662.518	635.480.302.032

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 622.844.381.435 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 71.855.283.210 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng nguyên giá là 238.654.500 đồng.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản của Công ty bao gồm hệ thống bãi Container, nhà kho và các công trình phụ trợ tại Hải Phòng và Đà Nẵng được sử dụng để cho thuê với tổng nguyên giá là 5.785.803.477 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến 30/06/2018 là 5.785.803.477 đồng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	3.110.158.005	4.596.808.190
Chi phí vận chuyển chờ phân bổ	221.819.999	1.189.928.420
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	20.841.753	210.760.301
	<u>3.352.819.757</u>	<u>5.997.496.911</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	26.285.326.663	35.487.774.819
	<u>26.285.326.663</u>	<u>35.487.774.819</u>

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Bunkers Marine Pte Ltd	4.366.680.861	4.366.680.861	3.530.024.000	3.530.024.000
Cockett Marine Oil	11.435.337.467	11.435.337.467	12.722.554.949	12.722.554.949
Công ty MTV	4.732.516.500	4.732.516.500	574.000.000	574.000.000
VIPCO Hạ Long				
Công ty Cổ phần Sơn Hải Phòng	3.426.444.872	3.426.444.872	4.715.773.559	4.715.773.559
Phải trả các đối tượng khác	26.674.738.330	26.674.738.330	74.757.961.615	74.757.961.615
	<u>50.635.718.030</u>	<u>50.635.718.030</u>	<u>96.300.314.123</u>	<u>96.300.314.123</u>

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vạn Lộc (*)	23.777.662.500	-
United Marine & Trading	2.736.929.951	-
Người mua trả tiền trước khác	151.534.535	48.384.000
	<u>26.666.126.986</u>	<u>48.384.000</u>

(*) Căn cứ hợp đồng mua bán tàu biển Vinaship Ocean số 01/2018/VNS-VL ngày 28/05/2018 với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vạn Lộc, người mua thực hiện ứng trước cho Công ty 100% giá trị hợp đồng với giá trị 23,78 tỷ đồng. Tới 14/07/2018, Công ty đã thực hiện bàn giao xong tàu Vinaship Ocean cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	3.048.770.380	270.508.852	350.638.785	-	2.968.640.447
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	56.451.010	56.451.010	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.374.144.917	-	-	-	8.374.144.917	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	30.681.708	97.150.780	105.373.995	-	22.458.493
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	239.236.440	239.236.440	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
	8.374.144.917	3.079.452.088	670.347.082	758.700.230	8.374.144.917	2.991.098.940

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	166.405.793	911.325.295
- Trích chi phí mua nhiên liệu	3.135.612.234	-
- Chi phí phải trả khác	222.357.070	617.595.940
	3.524.375.097	1.528.921.235



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng và bãi xe	-	18.592.374
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động dịch vụ vận tải	26.080.668.223	-
	26.080.668.223	18.592.374

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	2.054.846.409	2.194.182.623
- Bảo hiểm y tế	113.852.032	101.907.505
- Phải trả về cổ phần hoá	2.201.379.706	2.201.379.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.025.305.000	10.025.305.000
- Phải trả lãi vay	14.507.002.794	15.466.011.433
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	3.325.324.689	3.274.713.038
- Phải trả thuế TNCN	157.651.049	158.023.682
- Tiền bồi thường di dời trụ sở đợt 1 ⁽¹⁾	6.345.004.007	6.361.325.107
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.516.999.880	2.561.418.282
	40.247.365.566	42.344.266.376
b) Dài hạn		
- Phải trả lãi vay	13.559.227.063	10.331.287.252
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý ⁽²⁾	83.187.056.006	-
	96.746.283.069	10.331.287.252
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Phải trả lãi vay ngắn hạn	13.454.537.040	15.466.011.433
	13.454.537.040	15.466.011.433

Ban Tổng Giám đốc đang trong quá trình thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020. Theo đó các khoản lãi vay này nằm trong kế hoạch tái cơ cấu nên Công ty chưa thực hiện chi trả.

d) Phải trả khác là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
	11.601.379.706	11.601.379.706

(1) Tiền bồi thường theo thông báo số 100/TB-UBND ngày 22/03/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Công ty được bồi thường để bàn giao diện tích đất tại địa chỉ số 01 Hoàng Văn Thụ cho Thành phố thực hiện Dự án xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ. Số tiền bồi thường nhận được sau khi bù trừ với các chi phí liên quan đến việc di dời và bàn giao đất. Đồng thời Công ty được nhận vị trí đền bù tại lô đất TM8, khu vực Cầu Rào 2.

(2) Khoản nợ gốc và lãi chờ xử lý liên quan đến hoạt động tái cơ cấu khoản vay của doanh nghiệp. Theo đó, trong kỳ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã thực hiện mua lại khoản nợ phải thu của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) tại Vinaship. Nợ gốc và lãi chờ xử lý là phần chênh lệch giữa khoản gốc vay và lãi với giá vốn mua nợ của DATC và sẽ được xử lý sau khi DATC hoàn thành việc thu hồi khoản giá vốn mua nợ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	94.323.834.567	-	1.940.000.000	71.513.834.567	24.750.000.000	-
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	69.593.834.567	-	-	69.593.834.567	-	-
- Vay cá nhân	24.730.000.000	-	1.940.000.000	1.920.000.000	24.750.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	132.298.251.659	-	77.051.349.776	96.614.096.250	112.735.505.185	-
	226.622.086.226	-	78.991.349.776	168.127.930.817	137.485.505.185	-
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn Ngân hàng	612.824.684.659	-	29.695.966.276	185.352.559.750	457.168.091.185	-
- Nợ dài hạn Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC)	-	-	152.000.000.000	62.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
	612.824.684.659	-	181.695.966.276	247.352.559.750	547.168.091.185	90.000.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(132.298.251.659)	-	(77.051.349.776)	(96.614.096.250)	(112.735.505.185)	(50.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	480.526.433.000	-			434.432.586.000	40.000.000.000

(*) Hiện nay Công ty đang chưa xác định được khả năng trả nợ. Các khoản nợ vay Ngân hàng đang thực hiện cơ cấu lại theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn của hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018			Mục đích vay
				USD	VND	Tổng VND tương đương	
	Vay các cá nhân khác					24.750.000.000	
	Căn cứ các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	Không áp dụng	12 tháng		24.750.000.000	24.750.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
	Tổng cộng					24.750.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

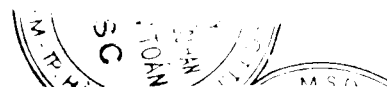
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018			Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới			Mục đích vay
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương	
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng				101.885.450.000			-	
	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung 01B/2017/HĐTĐSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017.	180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006)	72.185.450.000	-	72.185.450.000	-	-	-	Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 12.500 DWT - chiếc 03/KH 2005
	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02B/2017/HĐTĐSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017.	180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003)	29.700.000.000	-	29.700.000.000	-	-	-	Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước
2	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đống Đa				213.134.985.185			36.928.465.185	
	Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMĐ-VNA ngày 17/02/2011	180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng cho vay (ngày 07/03/2011)	-	9.282.882,63	213.134.985.185	-	1.608.382,63	36.928.465.185	Đầu tư mua tàu chở hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018			Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới			Mục đích vay
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương	
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân				142.147.656.000			25.807.040.000	
	Hợp đồng tín dụng số 01.09/HĐTD-DH ngày 01/12/2009 và các văn bản sửa đổi bổ sung	180 tháng kể từ ngày 04/01/2010 đến ngày 04/01/2025		6.191.100,00	142.147.656.000		1.124.000,00	25.807.040.000	Mua tàu biển Vinaship Sea, trọng tải 27.841 tấn, do Nhật Bản sản xuất năm 1998
4	Công ty mua bán nợ Việt Nam (DATC)				90.000.000.000			50.000.000.000	
	Thỏa thuận xử lý khoản nợ chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Từ 17/05/2018 đến 01/04/2021	90.000.000.000		90.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000	Chương trình tái cơ cấu tập đoàn Vinalines của chính phủ giai đoạn 2017-2020
	Tổng cộng				547.168.091.185			112.735.505.185	

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(205.476.521.927)	77.456.199.927
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	(68.435.902.906)	(68.435.902.906)
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(273.912.424.833)	9.020.297.021
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(281.360.367.257)	1.572.354.597
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	(15.519.875.932)	(15.519.875.932)
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	82.932.721.854	(296.880.243.189)	(13.947.521.335)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000	51,00%
Nguyễn Quang Dũng	10.003.500.000	5,00%	10.003.500.000	5,00%
Các cổ đông khác	87.996.500.000	44,00%	87.996.500.000	44,00%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
d) Cổ phiếu		
	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	82.932.721.854	82.932.721.854
	82.932.721.854	82.932.721.854
23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
a) Ngoại tệ các loại		
	30/06/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	178.687,31	426.516,66
b) Nợ khó đòi đã xử lý		
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng	303.509.700	303.509.700
24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	311.693.317.861	204.508.684.458
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	49.774.375.346	48.244.249.760
	361.467.693.207	252.752.934.218

MTC
SC
M.T

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động vận tải biển	292.847.149.739	242.602.318.869
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	47.850.377.013	45.127.141.495
	340.697.526.752	287.729.460.364

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	669.986.196	589.533.233
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.147.641.490	541.130.919
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	840.580.683
	3.817.627.686	1.971.244.835

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	18.096.805.119	18.626.872.886
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	382.753.421	203.478.789
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	3.500.564.354	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	113.384.895	(69.858.850)
Chi phí tài chính khác	112.434	227.366
	22.093.620.223	18.760.720.191

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	5.547.988.073	4.824.599.333
	5.547.988.073	4.824.599.333

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	568.131.484	530.163.965
Chi phí nhân công	7.065.974.172	7.913.008.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	161.685.126	212.689.410
Thuế, phí, lệ phí	27.082.000	6.000.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(38.600.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.993.319.477	2.294.980.617
Chi phí khác bằng tiền	720.531.840	874.246.730
	10.536.724.099	11.792.488.835

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	59.306.000	-
Khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.848.118.899	-
Các khoản bị phạt	2.100.000	-
Chi phí khác	20.000.287	209.242.363
	1.929.525.186	209.242.363

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.519.875.932)	(68.435.902.906)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.880.218.899	10.000.000
- Chi phí không hợp lệ	1.880.218.899	10.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(322.508.449.879)	(272.060.156.164)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(37.947.574)	(3.015.344)
- Chuyển lỗ các năm trước	(322.470.502.305)	(272.057.140.820)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(336.148.106.912)	(340.486.059.070)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(8.374.144.917)	(8.374.144.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(8.374.144.917)	(8.374.144.917)

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(15.519.875.932)	(68.435.902.906)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(15.519.875.932)	(68.435.902.906)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(776)	(3.422)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.061.523.298	98.545.623.780
Chi phí nhân công	41.041.964.633	39.497.513.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.686.922.420	48.833.679.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.570.175.986	114.795.959.557
Chi phí khác bằng tiền	3.749.015.441	2.673.772.668
	355.109.601.778	304.346.548.532

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.698.244.834	-	25.000.672.722	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.696.779.735	(1.428.174.754)	51.267.847.018	(1.428.174.754)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	10.554.993.400	-
Đầu tư dài hạn	1.813.428.525	(1.694.407.320)	1.813.428.525	(1.581.022.425)
	94.208.453.094	(3.122.582.074)	88.636.941.665	(3.009.197.179)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			571.918.091.185	707.148.519.226
Phải trả người bán, phải trả khác			187.629.366.665	148.975.867.751
Chi phí phải trả			3.524.375.097	1.528.921.235
			763.071.832.947	857.653.308.212

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2018				
Đầu tư dài hạn	-	119.021.205	-	119.021.205
	<u>-</u>	<u>119.021.205</u>	<u>-</u>	<u>119.021.205</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư dài hạn	-	232.406.100	-	232.406.100
	<u>-</u>	<u>232.406.100</u>	<u>-</u>	<u>232.406.100</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

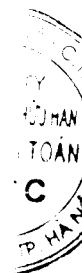
Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.698.244.834	-	-	54.698.244.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.268.604.981	-	-	36.268.604.981
	90.966.849.815	-	-	90.966.849.815
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.000.672.722	-	-	25.000.672.722
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.839.672.264	-	-	49.839.672.264
Các khoản cho vay	10.554.993.400	-	-	10.554.993.400
	85.395.338.386	-	-	85.395.338.386

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2018				
Vay và nợ	137.485.505.185	219.368.880.000	215.063.706.000	571.918.091.185
Phải trả người bán, phải trả khác	90.883.083.596	96.746.283.069	-	187.629.366.665
Chi phí phải trả	3.524.375.097	-	-	3.524.375.097
	231.892.963.878	316.115.163.069	215.063.706.000	763.071.832.947
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	226.622.086.226	316.253.377.500	164.273.055.500	707.148.519.226
Phải trả người bán, phải trả khác	138.644.580.499	10.331.287.252	-	148.975.867.751
Chi phí phải trả	1.528.921.235	-	-	1.528.921.235
	366.795.587.960	326.584.664.752	164.273.055.500	857.653.308.212

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Riêng đối với các khoản vay, Công ty đang thực hiện cơ cấu lại theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020 và bước đầu đã thực hiện thành công đối với khoản vay của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các sự kiện đã được công bố ở các Thuyết minh trên, không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	311.693.317.861	49.774.375.346	361.467.693.207
Chi phí bộ phận trực tiếp	(292.847.149.739)	(47.850.377.013)	(340.697.526.752)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.846.168.122	1.923.998.333	20.770.166.455
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	629.768.182	629.768.182
Tài sản bộ phận trực tiếp	706.560.703.733	33.196.840.573	739.757.544.306
Tài sản không phân bổ	-	-	74.047.410.259
Tổng tài sản	706.560.703.733	33.196.840.573	813.804.954.565
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	796.098.585.638	3.664.681.962	799.763.267.600
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	27.989.208.300
Tổng nợ phải trả	796.098.585.638	3.664.681.962	827.752.475.900

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Quốc tế VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	311.693.317.861	49.774.375.346	361.467.693.207
Tài sản bộ phận	656.063.846.867	157.741.107.698	813.804.954.565
Tổng chi phí mua TSCĐ	629.768.182	-	629.768.182

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		3.000.000	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ	3.000.000	-
Cổ tức phải trả		9.400.000.000	9.400.000.000
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ	9.400.000.000	9.400.000.000
Phải trả về cổ phần hóa		2.201.379.706	2.201.379.706
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ	2.201.379.706	2.201.379.706

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

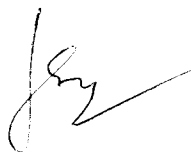
	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	202.039.784	234.774.432
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	576.208.175	782.239.220

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

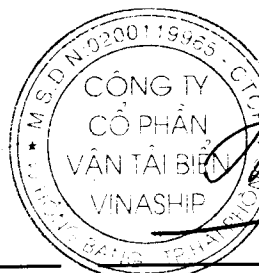
Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập



Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 08 năm 2018

